

Số: 06/TB-UBND

Lạc Đạo, ngày 14 tháng 01 năm 2026

THÔNG BÁO

**Về việc công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán
ngân sách nhà nước năm 2025 xã Lạc Đạo**
(Số liệu tính từ 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025)

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/06/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước.

UBND xã Lạc Đạo thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2025, cụ thể như sau:

I. Công khai số liệu thực hiện dự toán NSNN năm 2025

- Cân đối ngân sách xã năm 2025 (Chi tiết Biểu số 113/CKTC-NSNN kèm theo)

- Thực hiện Thu ngân sách nhà nước năm 2025 (Chi tiết Biểu số 114/CK TC-NSNN kèm theo)

- Thực hiện Chi ngân sách xã năm 2025 (Chi tiết Biểu số 115/CK TC-NSNN kèm theo)

II. Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã năm 2025

Thực hiện Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao dự toán thu chi ngân sách xã sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Hưng Yên năm 2025; Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của UBND xã về giao dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2025; Các quyết định của UBND tỉnh số 1564/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 về bổ sung dự toán chi ngân sách xã sau sắp xếp đơn vị hành chính, Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Quyết định số 698/QĐ-UBND ngày 25/8/2025 về bổ sung kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp xã; Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 30/8/2025 về bổ sung kinh phí thực hiện tặng quà cho nhân dân nhân dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 02/9; Quyết định số 1002/QĐ-UBND và 1188/QĐ-UBND bổ sung kinh phí thực hiện nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định 178/2024 và 67/2025/NĐ-CP; Quyết định số 1132/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 về bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi phục vụ sắp xếp đơn vị hành chính và các nhiệm vụ chi cần thiết; Quyết định số 1139/QĐ-UBND ngày 25/9/2025

về bổ sung kinh phí tổ chức Đại hội đại biểu MTTQ xã và các tổ chức chính trị cấp xã; Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 về bổ sung kinh phí phục vụ đảm bảo cơ sở, vật chất phục vụ sắp xếp, tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và xây dựng mô hình chính quyền địa phương cấp xã; Quyết định 1571/QĐ-UBND ngày 28/10/2025 về bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2025; Quyết định 1513/QĐ-UBND ngày 28/10/2025 về bổ sung kinh phí thực hiện tặng quà Nhân dân dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng 8 và Quốc khánh 2/9; Quyết định số 1654/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 về phê duyệt danh sách cán bộ xã hưởng chính sách, chế độ theo Nghị quyết 07/2025; Quyết định 1796/QĐ-UBND ngày 13/11/2025 về điều chỉnh một số nội dung Quyết định số 1654/QĐ-UBND ngày 30/10/2025; Quyết định số 1766/QĐ-UBND ngày 11/11/2025 về việc điều chỉnh một số nội dung chi tại Quyết định 1571/QĐ-UBND ngày 28/10/2025; Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 31/10/2025 về bổ sung kinh phí chi trả cho cán bộ cấp xã nghỉ theo Nghị quyết 07/2025/NQ-CP; Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 về bổ sung kinh phí cho UBND xã thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội và các nhiệm vụ chi phát sinh khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; Quyết định số 1903/QĐ-UBND ngày 21/11/2025 về việc điều chỉnh kinh phí tại Quyết định 1671/QĐ-UBND ngày 31/10/2025; Quyết định 2092/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 về việc thu hồi kinh phí của Sở giáo dục và Đào tạo; bổ sung kinh phí cho UBND các xã, phường; Quyết định 2137/QĐ-UBND ngày 11/12/2025 về việc bổ sung dự toán chi cho ngân sách xã để tăng cường cơ sở vật chất; Quyết định 2140/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 về việc bổ sung dự toán chi cho ngân sách xã để đảm bảo cơ sở vật chất, phục vụ sắp xếp bộ máy; Quyết định 2157/QĐ-UBND ngày 13/12/2025 về việc bổ sung dự toán chi cho ngân sách xã từ nguồn ngân sách Trung ương thường vượt dự toán năm 2024; Quyết định 2358 và 2361/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 về bổ sung dự toán cho các xã, phường để thực hiện tặng quà của Đảng, Nhà nước; Quyết định 2370/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 về bổ sung kinh phí cho ngân sách xã để thực hiện cấp bù, hỗ trợ học phí; Quyết định 2371/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 về bổ sung kinh phí cho ngân sách xã để thực hiện chế độ trợ cấp cho cán bộ, công chức xã nghỉ thôi việc theo Nghị định 170/NQ-CP.

Thực hiện Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XV về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025; Thông tư 88/2024/TT-BTC ngày 24/12/2024 quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025. Trên cơ sở đó, UBND xã đã tập trung tổ chức, triển khai các giải pháp để thực hiện nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã, tình hình thực hiện thu chi ngân sách nhà nước quý 3 sau sắp xếp đơn vị hành chính cụ thể như sau:

1. Thu ngân sách nhà nước

Năm 2025 kế hoạch thu Ngân sách xã được UBND tỉnh giao cho xã Lạc Đạo là 105,075 tỷ đồng. Căn cứ tình hình thực tế, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã, HĐND xã giao tăng chỉ tiêu thu từ nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2025 là 158,5 tỷ đồng. Tổng dự toán thu ngân sách xã là 263,575 tỷ đồng; Dự toán bổ sung ngân sách tỉnh cần bổ sung năm 2025 là 193,913 tỷ đồng, Tổng dự toán thu là: 457,488 tỷ đồng.

Tổng thu NS xã trong năm 2025 thực hiện 346,812 tỷ đồng đạt 75,81% so với dự toán năm. Trong đó một số chỉ tiêu đạt tốt như:

- Lệ phí trước bạ nhà đất, lệ phí môn bài đạt 2,387 tỷ đồng đạt 497% so với dự toán.

- Thu điều tiết Thuế thu nhập cá nhân thực hiện 4,195 tỷ đồng đạt 322% kế hoạch.

- Thu điều tiết tiền thuế khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đạt 1,819 tỷ đồng đạt 259%.

- Thu khác dự toán giao đầu năm 145 triệu đồng; thực hiện năm 2025 đạt 6,866 tỷ đồng, do bao gồm xác định lại khoản thu từ tiền bỏ cọc đấu giá quyền sử dụng đất thành khu khác ngân sách.

Tuy nhiên vẫn còn một số chỉ tiêu đạt thấp như:

- Thu tiền sử dụng đất đạt 95,070 tỷ đồng đạt 41,61%

- Thu điều tiết tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 1,285 tỷ đồng đạt 91,85%

- Khoản thu từ quỹ đất công ích đạt số âm số tiền 2,705 tỷ đồng do chuyển đổi số liệu đơn vị UBND xã Minh Hải cũ hoàn trả cho Ban quản lý dự án tỉnh Hưng Yên số tiền trên do đơn vị chuyển tiền hỗ trợ hai lần.

2. Chi ngân sách nhà nước

2.1. Dự toán chi ngân sách xã

Kế hoạch UBND tỉnh giao dự toán chi ngân sách xã 105,075 tỷ đồng, Trên cơ sở dự toán UBND tỉnh giao, HĐND xã giao tăng dự toán chi và gồm các khoản bổ sung dự toán chi từ các khoản có mục tiêu ngân sách tỉnh cấp. Tổng dự toán chi sau bổ sung là 457,488 tỷ đồng Trong đó: Chi đầu tư XD CB là 228,5 tỷ đồng; Dự toán chi thường xuyên: 226,849 tỷ đồng; Dự toán chi dự phòng 2,139 tỷ đồng.

2.2. Chi ngân sách xã

- Chi đầu tư phát triển thực hiện năm 2025 là: 84,475 tỷ đồng đạt 36,97% kế hoạch cả năm.

- Chi thường xuyên và chi từ dự phòng thực hiện năm 2025 là 174,408 tỷ đồng tương đương 76,88% kế hoạch cả năm.

Tình hình thực hiện dự toán thu – chi ngân sách xã năm 2025 của xã Lạc Đạo thực hiện đạt kết quả như trên do trong năm bao gồm cả phần chuyển đổi số liệu thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm sang số liệu thu chi ngân sách xã sau sắp xếp đơn vị hành chính và các khoản bổ sung của cấp trên chuyển về.

UBND xã Lạc Đạo thực hiện thông báo công khai theo quy định./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên;
- Các Phó CT UBND xã;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Văn phòng HĐND-UBND xã;
- Lưu VP./

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Xuân Huấn



Tỉnh Hưng Yên

Xã: Lạc Đạo

Biểu số 113/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM (GỒM CẢ BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU)	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	457.488.286.982	346.812.701.306	75,81
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	330.000.000	4.661.681.378	1.412,63
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	234.930.000.000	107.628.487.707	45,81
3	Thu bổ sung	222.228.286.982	222.226.944.407	100,00
	- Bổ sung cân đối ngân sách	28.315.000.000	28.315.000.000	100,00
	- Bổ sung có mục tiêu	193.913.286.982	193.911.944.407	
4	Thu chuyển nguồn	0	12.295.587.814	
II	TỔNG SỐ CHI	457.488.286.982	258.884.334.044	56,59
1	Chi đầu tư phát triển	228.500.000.000	84.475.917.994	36,97
2	Chi thường xuyên	226.849.286.982	174.408.416.050	76,88
3	Dự phòng	2.139.000.000		
4	Chi chuyển nguồn	0		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu



Tỉnh Hưng Yên

Xã: Lạc Đạo

Biểu số 114/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2	
	Tổng số thu	433.968.857.000	457.488.286.982	548.060.088.108	346.812.701.306	126,29	75,81	
I	Các khoản thu 100%	330.000.000	330.000.000	5.829.745.094	4.661.681.378	1.766,59	1.412,63	
1	Phí, lệ phí	120.000.000	120.000.000	783.670.610	500.158.610	653,06	416,80	
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	65.000.000	65.000.000	(2.705.220.000)	(2.705.220.000)	(4.161,88)	(4.161,88)	
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp							
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định							
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định							
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định							
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân							
8	Thu khác	145.000.000	145.000.000	7.751.294.484	6.866.742.768	4.735,68	4.735,68	
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	433.638.857.000	234.930.000.000	320.003.398.607	107.628.487.707	73,79	45,81	
1	Các khoản thu phân chia	2.360.000.000	1.880.000.000	16.652.083.914	3.673.486.491	705,60	195,40	
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.400.000.000	1.400.000.000	1.285.831.379	1.285.831.379	91,85	91,85	
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình							
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh + Lệ phí trước bạ	960.000.000	480.000.000	15.366.252.535	2.387.655.112	1.600,65	497,43	
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	431.278.857.000	233.050.000.000	303.351.314.693	103.955.001.216	70,34	44,61	
2.1	Thu tiền sử dụng đất	412.142.857.000	228.500.000.000	156.550.664.400	95.070.372.930	37,98	41,61	
2.2	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước	12.750.000.000	2.550.000.000	14.347.637.599	2.869.527.522	112,53	112,53	
2.3	Thuế tài nguyên							
2.4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	3.500.000.000	700.000.000	100.735.488.893	1.819.130.378	2.878,16	259,88	
2.5	Thuế thu nhập cá nhân	2.886.000.000	1.300.000.000	31.717.523.801	4.195.970.386	1.099,01	322,77	
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt							
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)							
IV	Thu chuyển nguồn				12.295.587.814			
V	Thu kết dư ngân sách năm trước							
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	0	222.228.286.982	222.226.944.407	222.226.944.407		100,00	
1	Thu bổ sung cân đối		28.315.000.000	28.315.000.000	28.315.000.000		100,00	
2	Thu bổ sung có mục tiêu		193.913.286.982	193.911.944.407	193.911.944.407		100,00	



Biểu số 115/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	457.488.286.982	228.500.000.000	228.988.286.982	258.884.334.044	84.475.917.994	174.408.416.050	56,59	37,0	76,2
	Trong đó:		0							
1	Chi giáo dục	171.204.469.618	76.428.502.618	94.775.967.000	118.148.876.819	33.584.352.818	84.564.524.001	69,01	43,9	89,2
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0	0	0	0					
3	Chi y tế	18.312.824.687	2.852.448.273	15.460.376.414	14.218.189.297	99.539.673	14.118.649.624	77,64	3,5	91,3
4	Chi văn hóa, thông tin	23.070.997.601	23.070.997.601	0	6.124.295.934	5.642.783.601	481.512.333	26,55	24,5	
5	Chi phát thanh, truyền thanh	266.416.125	0	266.416.125	113.952.000		113.952.000			42,8
6	Chi thể dục, thể thao	269.390.000	0	269.390.000	42.522.308		42.522.308			15,8
7	Chi bảo vệ môi trường	4.872.955.000	0	4.872.955.000	707.881.492		707.881.492	14,53		14,5
8	Chi các hoạt động kinh tế	96.944.507.864	87.342.807.064	9.601.700.800	27.321.530.832	22.189.154.050	5.132.376.782	28,18	25,4	53,5
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	109.950.400.738	38.805.244.444	71.145.156.294	74.754.850.562	22.960.087.852	51.794.762.710	67,99	59,2	72,8
10	Chi cho công tác xã hội và chi khác	30.457.325.349	0	30.457.325.349	16.576.774.800		16.576.774.800	54,43		54,4
11	Chi khen thưởng	0	0	0	0					
12	Dự phòng	2.139.000.000	0	2.139.000.000	875.460.000		875.460.000	40,93		40,9

